TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YS** **TỈNH TQ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2022
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Hà Thị Vinh

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS, tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YS mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/4/2022, giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh Thèn Văn T, sinh năm 1994.

* *Bị đơn*: Chị Sùng Thị H, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Thôn BG, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Thèn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Sùng Thị H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 21/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung cùng gia đình nhà anh tại thôn BG, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, anh và chị H sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện YS giải quyết cho anh được ly hôn với chị Sùng Thị H.

Về con chung: Anh và chị Sùng Thị H có 01 con chung là cháu Thèn Văn N, sinh ngày 13/11/2015, hiện nay cháu Ngôn đang ở với anh, sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thèn Văn N và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh xác định anh và chị H không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành gửi giấy triệu tập nhưng chị H không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đi xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương được biết, hiện chị H vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu khác tại địa phương nơi chị H cư trú để chị H đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng chị H đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, anh T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Anh Thèn Văn T và chị Sùng Thị H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện YS, tỉnh TQ và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị H về chung sống với gia đình anh T tại thôn BG, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn, kinh tế, do hoàn cảnh khó khăn nên chị H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau, anh T và chị H sống ly thân từ năm 2021 đến nay, hiện vợ chồng anh T, chị H không còn tồn tại một gia đình, hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, vợ chồng anh T, chị H có 01 con chung là cháu Thèn Văn N, sinh ngày 13/11/2015, hiện nay cháu N đang ở với anh T. Về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng anh T, chị H chính quyền địa phương không nắm được. Về hộ khẩu thường trú của chị H, hiện chị H có hộ khẩu thường trú tại thôn BG, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ, nay chị H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, khi đi làm ăn chị H không thông báo tạm trú, tạm vắng nên gia đình và địa phương không biết hiện chị H đang làm gì, ở đâu. Về thu nhập bình quân của anh T khoảng 200.000 đồng đến 250.000 đồng/1 ngày.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày. Về quan hệ hôn nhân, anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho anh được ly hôn với chị Sùng Thị H. Về con chung, anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thèn Văn N và không yêu cầu

chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, về vay nợ chung anh xác định không nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định (không có mặt tại Tòa án theo giấy báo để giải quyết vụ án). Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho anh Thèn Văn T được ly hôn với chị Sùng Thị H. Về con chung, giao cháu Thèn Văn N, sinh ngày 13/11/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Sùng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, về vay nợ chung anh T xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Thèn Văn T và chị Sùng Thị H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Sùng Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn BG, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ nên anh T khởi kiện xin ly hôn với chị H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YS theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ với chính quyền địa phương được biết, Chị H có hộ khẩu thường trú và hiện đang sống tại thôn BG, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ. Chị H đi làm ăn xa nhưng không báo địa chỉ mới nên Công an, địa phương cũng như gia đình không nắm được, thỉnh thoảng mới về thăm con. Tòa án đã gửi giấy triệu tập và tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại địa phương nơi chị H cư trú để chị H đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị H không đến Toà án giải quyết vụ việc, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Sùng Thị H theo quy định của pháp luật.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thèn Văn T và chị Sùng Thị H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện

YS, tỉnh TQ và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị H về chung sống với gia đình anh T tại thôn BG, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn, kinh tế, chị H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau, anh T và chị H sống ly thân từ năm 2021 đến nay nên không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của anh T và chị H Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T xử cho anh T được ly hôn với chị Sùng Thị H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[**3**] Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H có 01 con chung là cháu Thèn Văn N, sinh ngày 13/11/2015, hiện nay cháu N đang ở với anh T. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thèn Văn N và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung sau khi ly hôn và xét điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con chung thì anh T và chị H có quyền, nghĩa vụ cũng như về điều kiện như nhau. Tuy nhiên, chị H thường xuyên đi làm ăn xa chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, không thường xuyên quan tâm chăm sóc con chung, không đảm bảo điều kiện để nuôi con chung nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, giao cháu Thèn Văn N, sinh ngày 13/11/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[**4**] Về tài sản chung: Anh Thèn Văn T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**5**] Về vay nợ chung: Anh Thèn Văn T xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**6**] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thèn Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị H không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[**7**] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Thèn Văn T được ly hôn với chị Sùng Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Thèn Văn N, sinh ngày 13/11/2015 cho anh Thèn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Sùng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Thèn Văn T phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003953, ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS, tỉnh TQ. Chị Sùng Thị H không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Thèn Văn T và chị Sùng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện YS;
- Chi cục THADS huyện YS;
- UBND xã TS (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.